

Số: 321 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 25 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất, thuê đất
năm 2024 đối với các quỹ đất do tỉnh quản lý**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 78/2023/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của UBND tỉnh (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh);

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 27/TTr-STNMT ngày 10/01/2024 và ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh uỷ tại Thông báo số 1287-TB/TU ngày 22/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất, thuê đất năm 2024 đối với các quỹ đất do tỉnh quản lý, cụ thể như sau:

1. Đối với Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh

- Tổng số quỹ đất đấu giá năm 2024: 26 quỹ đất;

- + Tổng số lô đất/thửa đất đấu giá: 670 lô;
- + Tổng diện tích đấu giá: 29,46ha;
- Dự kiến đấu thành năm 2024:
- + Tổng số lô đất/thửa đất: 254 lô;
- + Tổng diện tích: 23,96ha;
- + Tổng giá số tiền dự kiến thu được: 2.100.000 triệu đồng.

(Chi tiết như Phụ lục số 01 kèm theo)

2. Đối với Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh

- Tổng số quỹ đất đấu giá năm 2024: 09 quỹ đất;
- + Tổng số lô đất/thửa đất đấu giá: 963 lô;
- + Tổng diện tích đấu giá: 17,21ha;
- Dự kiến đấu thành năm 2024:
- + Tổng số lô đất/thửa đất: 415 lô;
- + Tổng diện tích: 6,54ha;
- + Tổng giá số tiền dự kiến thu được: 325.000 triệu đồng.

(Chi tiết như Phụ lục số 02 kèm theo).

3. Đối với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

- Tổng số quỹ đất đấu giá năm 2024: 08 quỹ đất;
- + Tổng số lô đất/thửa đất đấu giá: 223 lô;
- + Tổng diện tích đấu giá: 125,03ha;
- Dự kiến đấu thành năm 2024:
- + Tổng số lô đất/thửa đất: 21 lô;
- + Tổng diện tích: 121,57ha;
- + Tổng giá số tiền dự kiến thu được: 2.532.500 triệu đồng.

(Chi tiết như Phụ lục số 03 kèm theo).

4. Kế hoạch tổ chức thực hiện

- Sau khi Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất, thuê đất được UBND tỉnh phê duyệt, các đơn vị khẩn trương rà soát xây dựng phương án và Quyết định đấu giá, xác định giá khởi điểm trình UBND tỉnh phê duyệt để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, thuê đất theo quy định và thời gian thực hiện đấu giá trong năm 2024.

- Tập trung đẩy nhanh công tác bồi thường GPMB và đầu tư hạ tầng kỹ thuật quỹ đất năm 2023 còn lại và các quỹ đất năm 2024 để kịp thời thực hiện các thủ tục có liên quan trình UBND tỉnh phê duyệt làm căn cứ tổ chức thực hiện đấu giá

quyền sử dụng đất, thuê đất để thu ngân sách trong năm 2024.

- Đối với đất thực hiện dự án đầu tư: sau khi Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất, thuê đất được UBND tỉnh phê duyệt, các đơn vị tiến hành rà soát, lập các thủ tục có liên quan (Chủ trương đầu tư, tiêu chí đấu giá, phương án và quyết định đấu giá, xác định giá khởi điểm...) trình UBND tỉnh phê duyệt để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, thuê đất theo đúng quy định.

- Thực hiện công tác đấu giá một số quỹ đất khác do UBND tỉnh giao trong năm 2024 để tạo nguồn thu ngân sách tỉnh từ tiền sử dụng đất.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh triển khai thực hiện lập các thủ tục, tổ chức đấu giá đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất, thuê đất phải sát với giá thị trường để tổ chức đấu giá đạt hiệu quả cao và góp phần tăng thu cho ngân sách tỉnh.

3. Các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Cục Thuế tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh triển khai thực hiện; đồng thời, thực hiện những nội dung công việc thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP TH;
- Lưu: VT, K1, K6, K17, K16.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục số 01

KẾ HOẠCH ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, THUÊ ĐẤT VÀ THU NGÂN SÁCH NĂM 2024

ĐỐI VỚI CÁC QUỸ ĐẤT DO TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH QUẢN LÝ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Khu đất	Quỹ đất đầu giá năm 2024		Dự kiến đầu thành năm 2024			Chia ra các tháng												Dự kiến thời gian bắt đầu tổ chức đấu giá
		Số lô/khu đất	Diện tích (m2)	Số lô/khu đất	Diện tích (m2)	Tổng giá trị dự kiến thu được	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	
A	ĐẤT Ồ	659	84.921,40	243	29.886,51	451.412	0	0	13.061	66.721	78.734	86.179	97.129	50.994	37.114	21.481	0	0	
I	QUỸ ĐẤT DO TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT QUẢN LÝ	565	72.226,80	200	24.608,28	425.796	0	0	11.780	60.317	72.330	79.775	92.006	50.994	37.114	21.481	0	0	
1	Khu Đô thị mới Long Vân (Khu A1), Phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	19	3.857,00	9	1.221,50	26.592			1.170	5.850	7.978	5.850	5.744						Tháng 3
2	Khu tái định cư phục vụ dự án tuyến đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh	84	9.831,50	17	2.064,62	18.818			828	4.140	5.645	4.140	4.065						Tháng 3
3	Dải cây xanh thuộc khu tái định cư phục vụ dự án xây dựng Khu Đô thị - Thương mại phía Bắc sông, thành phố Quy Nhơn	12	2.540,70	4	762,21	17.698			885	4.425	4.425	4.425	3.540						Tháng 3
4	Khu TĐC phục vụ dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1D tại khu HH1 và HH2 thuộc Khu quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 KV1 và KV9, Phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	9	1.005,00	5	502,50	8.328			366	1.832	2.498	1.832	1.799						Tháng 3
5	Khu Đô thị mới Long Vân (Khu A2), Phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	184	19.035,60	80	8.265,30	137.015			6.851	34.254	34.254	34.254	27.403						Tháng 3
6	Khu dân cư tại mặt bằng Công ty 508 phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn	14	3.783,00	4	915,00	6.300			315	1.575	1.575	1.575	1.260						Tháng 3
7	Khu dân cư phía Đông chợ Dinh mới, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	15	2.081,00	10	1.419,00	27.296			1.365	6.824	6.824	6.824	5.459						Tháng 3
8	Khu dân cư tại Khu vực 7-8 phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	20	6.306,30	9	2.837,84	32.206				1.417	7.085	7.085	9.662	6.956					Tháng 4

TT	Khu đất	Quỹ đất đấu giá năm 2024		Dự kiến đấu thành năm 2024			Chia ra các tháng												Dự kiến thời gian bắt đầu tổ chức đấu giá
		Số lô/khu đất	Diện tích (m2)	Số lô/khu đất	Diện tích (m2)	Tổng giá trị dự kiến thu được	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	
9	Khu đất Xí nghiệp Song mây xuất khẩu, Phân viện Điều tra quy hoạch rừng Nam Trung bộ và Tây nguyên	29	4.151,10	11	1.123,90	46.503					2.046	10.231	10.231	13.951	10.045				Tháng 5
10	Khu dân cư phía Bắc Nhà ở xã hội, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	168	18.486,00	43	4.691,70	80.899						3.560	21.034	21.034	21.034	14.238			Tháng 6
11	Khu chung cư thương mại dọc đường Thanh Niên, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn	11	1.149,60	8	804,72	24.142							1.811	9.053	6.035	7.242			Tháng 7
II	QUỸ ĐẤT DO BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN GIAO THÔNG BÀN GIAO	94	12.694,60	43	5.278,23	25.616	0	0	1.281	6.404	6.404	6.404	5.123	0	0	0	0	0	
1	Khu dân cư sau trường tiểu học số 1 thuộc thôn Lục Lễ, xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước thuộc dự án Tuyến đường nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phí Tây đầm Thị Nại	10	1.213,00	7	840,00	5.460			273	1.365	1.365	1.365	1.092						Tháng 3
2	Khu tái định cư xã Bình Tường thuộc dự án xây dựng tuyến đường tránh phía Nam thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	37	5.294,10	12	1.588,23	10.373			519	2.593	2.593	2.593	2.075						Tháng 3
3	Khu Tái định cư xã Tây Phú thuộc dự án xây dựng tuyến đường tránh phía Nam thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định	30	4.200,00	10	1.260,00	4.032			202	1.008	1.008	1.008	806						Tháng 3
4	Khu Tái định cư phường Hoài Thanh Tây thuộc dự án Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT,639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn	17	1.987,50	14	1.590,00	5.751			288	1.438	1.438	1.438	1.150						Tháng 3
III	ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN	11	209.721,94	11	209.721,94	1.648.588	0	0	70.817	156.426	75.300	385.744	438.550	0	521.750	0	0	0	
1	Xây dựng chợ tại khu đất B1-62 thuộc Khu B1, Khu đô thị mới An Phú Thịnh	1	3.703,00	1	3.703,00	23.524			4.705	7.057		11.762							Tháng 3
2	Khu dịch vụ thương mại tại lô đất DV1 thuộc dự án Khu đô thị mới Long Vân, phường Trần Quang Diệu	1	2.181,50	1	2.181,50	23.658			4.732	7.097		11.829							Tháng 3
3	trung tâm thương mại tại khu đất DVTM-2 thuộc công trình Khu dân cư HH1 và HH2 thuộc khu vực 1 và 9, phường Trần Quang Diệu	1	1.434,70	1	1.434,70	9.606			1.921	2.882		4.803							Tháng 3
4	Khu chung cư thương mại dọc đường Huỳnh Tấn Phát, phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn	1	1.556,00	1	1.556,00	35.000			7.000	10.500		17.500							Tháng 3

TT	Khu đất	Quỹ đất đấu giá năm 2024		Dự kiến đấu thành năm 2024			Chia ra các tháng												Dự kiến thời gian bắt đầu tổ chức đấu giá
		Số lô/khu đất	Diện tích (m2)	Số lô/khu đất	Diện tích (m2)	Tổng giá trị dự kiến thu được	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	
5	Xây dựng Khu thương mại dịch vụ tại khu đất DVTM-3 thuộc công trình Khu dân cư HH1 và HH2 thuộc khu vực 1 và 9, phường Trần Quang Diệu	1	1.263,80	1	1.263,80	6.000			1.200	1.800		3.000							Tháng 3
6	Xây dựng Khu thương mại dịch vụ trên Tuyến ĐT.638 tại địa bàn xã Canh Vinh, huyện Văn Canh	1	3.644,34	1	3.644,34	6.300			1.260	1.890		3.150							Tháng 3
7	Xây dựng khu khách sạn tiêu chuẩn 5 sao, văn phòng cho thuê và Trung tâm Thương mại – Dịch vụ (khu đất K200), phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn	1	10.775,60	1	10.775,60	250.000			50.000	75.000		125.000							Tháng 3
8	Xây dựng nhà ở chung cư hỗn hợp tại khu đất số 72B đường Tây Sơn, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn	1	7.094,00	1	7.094,00	251.000				50.200	75.300		125.500						Tháng 4
9	Khu chung cư thương mại thương mại đường Nguyễn Trọng Tri, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	1	17.769,00	1	17.769,00	113.000						22.600	33.900		56.500				Tháng 6
10	Khu đất tây nam cầu Long Vân, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn (xây dựng nhà ở và thương mại dịch vụ)	1	90.300,00	1	90.300,00	230.500						46.100	69.150		115.250				Tháng 6
11	Khu đất Trung tâm đào tạo nghiệp vụ Giao thông vận tải Bình Định và các khu vực liền kề, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn (phần còn lại)	1	70.000,00	1	70.000,00	700.000						140.000	210.000		350.000				Tháng 6
	TỔNG CỘNG (A+B)	670	294.643,34	254	239.608,45	2.100.000	0	0	83.878	223.147	154.034	471.923	535.679	50.994	558.864	21.481	0	0	

Phụ lục số 02

KẾ HOẠCH ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ THU NGÂN SÁCH NĂM 2024

ĐỐI VỚI CÁC QUỸ ĐẤT DO BAN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG TỈNH QUẢN LÝ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Khu đất	Quỹ đất đầu giá năm 2024		Dự kiến đầu thành năm 2024			Chia ra các tháng												Dự kiến thời gian bắt đầu tổ chức đầu giá
		Số lô/khu đất	Diện tích (m2)	Số lô/khu đất	Diện tích (m2)	Tổng giá trị dự kiến thu được	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	
I	Đất ở đầu giá	963	172.191,99	415	65.450,15	325.000	-	-	27.000	31.000	45.000	53.000	54.500	55.500	59.000	-	-	-	Tháng 3
1	Điểm TĐC tại khu đất CX4- Đảo 1B, Bắc sông Hà Thanh, TP Quy Nhơn phục vụ dự án Tuyến QL 19 (đoạn từ Cảng Quy Nhơn đến giao QL 1A)	9	637,30	9	637,30	17.000			2.000	2.000	2.000	2.000	3.000	3.000	3.000				
2	Điểm TĐC tại khu đất C5- Đảo 1B, Bắc sông Hà Thanh, TP Quy Nhơn phục vụ dự án Tuyến QL 19 (đoạn từ Cảng Quy Nhơn đến giao QL 1A)	2	220,00	2	220,00	5.500			500	500	500	500	1.000	1.000	1.500				
3	Khu TĐC phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn phục vụ dự án Đường phía Tây tỉnh (ĐT.638), đoạn Km130+00-Km137+580	18	2.365,80	18	2.365,80	17.000			2.000	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500				
4	Khu tái định cư tại phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn, phục vụ dự án đường trục Khu Kinh tế nổi dài (đoạn Km4+00 – Km18+500)	103	12.016,90	103	12.016,90	62.000			5.000	5.000	10.000	10.000	10.000	10.000	12.000				
5	Khu dân cư tại cụm kho bãi dọc Quốc lộ 1D	145	15.609,22	82	8.557,3	111.500			6.500	10.000	15.000	20.000	20.000	20.000	20.000				
6	Khu tái định cư phục vụ dự án Đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) và các dự án trên địa bàn xã Canh Vinh, huyện Vân Canh (giai đoạn 1)	205	34.757,98	62	12.049,06	40.000			5.000	5.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000				
7	Khu tái định cư thôn Tân Thanh, xã Cát Hải, huyện Phù Cát phục vụ dự án đường ven biển (ĐT.639) đoạn Cát Tiến – Đê Gi	204	44.669,50	50	10.592	25.000			2.000	2.000	3.000	4.000	4.000	5.000	5.000				
8	Khu tái định cư thôn Chánh Oai, xã Cát Hải, huyện Phù Cát phục vụ dự án đường ven biển (ĐT.639) đoạn Cát Tiến – Đê Gi	46	9.325,79	46	9.325,79	27.000			2.000	2.000	3.000	5.000	5.000	5.000	5.000				
9	Khu tái định cư thôn Tân Thắng, xã Cát Hải, huyện Phù Cát phục vụ dự án đường ven biển (ĐT.639) đoạn Cát Tiến – Đê Gi	231	52.589,50	43	9.686	20.000			2.000	2.000	3.000	3.000	3.000	3.000	4.000	-	-		

Phụ lục số 03
KẾ HOẠCH ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, THUÊ ĐẤT VÀ THU NGÂN SÁCH NĂM 2024
ĐỐI VỚI CÁC QUỸ ĐẤT DO BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ QUẢN LÝ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Khu đất	Quỹ đất đấu giá năm 2024		Dự kiến đấu thành năm 2024			Chia ra các tháng												Dự kiến thời gian bắt đầu tổ chức đấu giá
		Số lô/khu đất	Diện tích (m ²)	Số lô/khu đất	Diện tích (m ²)	Tổng giá trị dự kiến thu được	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	
I	Đất ở đấu giá	217	37.180	15	2.560	55.000	0	0	0	8.250	11.000	11.000	8.250	8.250	8.250	0	0		Tháng 3
1	Phân khu số 5, Khu đô thị sinh thái Nhơn Hội	110	17.464	8	1.270	27.500				4.125	5.500	5.500	4.125	4.125	4.125				
2	Phân khu số 8, Khu đô thị sinh thái Nhơn Hội	107	19.715	7	1.290	27.500				4.125	5.500	5.500	4.125	4.125	4.125				
II	Đất thực hiện dự án	6	1.213.187	6	1.213.187	2.477.500	0	0	438.750	0	438.750	0	800.000	0	800.000	0	0		
1	Khu đô thị Tây Nam xã Nhơn Lý	1	213.141	1	213.141	640.000			320.000		320.000								
2	Khu du lịch sinh thái Eo Gió	1	104.453	1	104.453	230.000			115.000		115.000								
3	Khu Biệt thự nghỉ dưỡng Học viện Golf	1	198.200	1	198.200	300.000							150.000		150.000				
4	Bãi đỗ xe khu vực sườn núi Phương Mai	1	12.000	1	12.000	7.500			3.750		3.750								
5	Điểm số 2 (2-1), Khu du lịch biển Nhơn Lý - Cát Tiên	1	283.237	1	283.237	500.000							250.000		250.000				
6	Điểm số 2 (2-2), Khu du lịch biển Nhơn Lý - Cát Tiên	1	402.157	1	402.157	800.000							400.000		400.000				
Tổng cộng		223	1.250.367	21	1.215.747	2.532.500	0	0	438.750	8.250	449.750	11.000	808.250	8.250	808.250	0	0		

